

Bản án số: 665/2023/DS-PT

Ngày: 21 - 9 - 2023

V/v Tranh chấp di sản thừa kế, yêu
cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất, hợp đồng thế chấp quyền sử
dụng đất và hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ
Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2023/TLPT-DS ngày 13
tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu huỷ giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng tín dụng*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của
Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4631/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm
2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn P, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Số B Y, Phường
A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Số B Y, Phường A,
thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị Hoàng A, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Số B T, Phường H,
thành phố Đ (có mặt).

3.2. Bà Phạm Thị Hoàng P1, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Số B, Y, Phường A,
thành phố Đ (có mặt).

3.3. Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Số B, đường T, Phường H, thành phố Đ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Hoàng T: Ông Phạm Hoàng T1, sinh năm 1970 (theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2023) (vắng mặt)

3.4. Ông Phạm Hoàng T1, sinh năm 1970 (vắng mặt);

3.5. Ông Phạm Hoàng H, sinh năm 1975 (có mặt);

3.6. Chị Phạm Lê Thị Ngọc Ý, sinh năm 1984 (vắng mặt)

3.7. Anh Phạm Lê Thiên Ý1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số B Y, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.8. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1959; Cư trú tại: Số G, N, Phường F, thành phố Đ (vắng mặt).

3.9. Ông Phạm Hoàng L, sinh năm 1961 (vắng mặt);

3.10. Bà Phạm Thị Hoàng Đ1, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Số B Y, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.11. Bà Đặng Thị T3, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3.12. Chị Phạm Thị Hoàng N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

3.13. Chị Phạm Hoàng Quỳnh N1, sinh năm 1996 (vắng mặt).

3.14. Ông Trương Văn T4, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Số B Y, Phường A, thành phố Đ.

3.15. Anh Trương Hoàng Nhật K, sinh năm 1993 (vắng mặt)

3.16. Chị Trương Hoàng Diễm K1, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Số B Y, Phường A, thành phố Đ.

3.17. Bà Nguyễn Thị Bích P2, sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Số B Y, Phường A, thành phố Đ.

3.18. Bà Nguyễn Giao Tuyết T5, sinh năm 1971. Cư trú tại: Số B Y, Phường A, thành phố Đ (có mặt).

3.19. Ngân hàng TMCP S2; Địa chỉ: Lầu H, B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thu H1; Chức Vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S2 – Chi nhánh L2 (Quyết định ủy quyền số 3 270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).

Bà Phạm Thị H1 ủy quyền lại cho: Ông Ngô Đình Quang V; chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro (theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2023); (có mặt)

3.20. Phòng C1 tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ: Số C T, Phường D, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lệ D1 – Trưởng văn phòng (vắng mặt).

3.21. Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thiện S – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Trương Tường V1 - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ. (Văn bản ủy quyền số 4281/UBND ngày 05/7/2022), (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

3.22. Sở Xây dựng tỉnh L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang T6 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T7 – chức vụ: Phó Giám đốc (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2023) (vắng mặt)

3.23. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú T8 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Sỹ T9; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2023) (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Hoàng Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Phạm Văn P uỷ quyền cho ông Phạm Hoàng T1 trình bày:*

Cha ông là cụ Phạm T10 (1921 - 1984) và mẹ ông là cụ Hoàng Thị N2 (1930 - 2018). Trong quá trình chung sống, cha mẹ ông có 11 người con gồm: Phạm Văn P, Phạm Hoàng S1 (1953-2012), Phạm Thị Hoàng A, Phạm Thị Hoàng P1, Phạm Hoàng L1 (1959-2003), Phạm Hoàng L, Phạm Thị Hoàng Đ1, Phạm Hoàng T, Phạm Hoàng Đ, Phạm Hoàng T1, Phạm Hoàng H.

Trong đó, ông Phạm Hoàng S1 (1953 – 2021), vợ là bà Lê Thị T2 và hai người con là Phạm Thị Thiên Ý2, Phạm Lê Thị Ngọc Ý; Ông Phạm Hoàng L1 (1959 – 2003) vợ là bà Đặng Thị T3 và hai người con là Phạm Thị Hoàng N, Phạm Hoàng Quỳnh N1.

Về nguồn gốc căn nhà và đất tại số B Y, Phường A, thành Phố Đ là căn nhà của cha mẹ ông đã được Nhà Địa Dư nay là Xưởng In 2 Cục Bản Đồ thuộc Bộ T13 bố trí cho cha mẹ ông và các anh em ở từ năm 1960 đến nay. Chúng tôi xem xăn nhà trên như là nhà từ đường họ Phạm H2. Ngày 20/5/2020, anh em chúng tôi làm đơn xin sửa chữa nhà từ đường thì mới biết căn nhà trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và đất ở chỉ đứng tên vợ chồng ông Phạm Hoàng Đ (thừa đất số 58, tờ bản đồ số C70-IV-C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 686722479600217 do

UBND thành phố Đ cấp ngày 24/9/2008). Hiện nay vợ chồng ông Đ đã thế chấp nhà đất trên để vay vốn tại Ngân hàng S3 – Chi nhánh L2.

Tuy nhiên, trên phần diện tích đất tranh chấp hiện nay có 01 căn nhà do bà Phạm Thị Hoàng Đ1, ông Trương Văn T4 xây dựng năm 2011 và đang quản lý, sử dụng; 01 căn nhà hiện nay bà Phạm Thị Hoàng P1, ông Phạm Hoàng T1 quản lý, sử dụng, căn nhà này có nguồn gốc là của nhà nước cấp cho cha mẹ ông năm 1961, sau đó cha mẹ ông sửa chữa, coi nói như hiện nay; 01 căn nhà vợ chồng ông Đ, bà T5 quản lý, sử dụng và những người hiện nay đang cư trú trên nhà đất của cha mẹ ông gồm: Ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Hoàng P1, ông Phạm Hoàng L, bà Phạm Thị Hoàng Đ1, ông Trương Văn T4, cháu Trương Hoàng Nhật K, cháu Trương Hoàng Diễm K1, cháu Trương Hoàng An N3 (sinh năm: 2020), ông Phạm Hoàng Đ, bà Nguyễn Giao Tuyết T5, ông Phạm Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Bích P2, cháu Phạm Hoàng Anh T11 (sinh năm 2018), cháu Phạm Hoàng Anh T12 (sinh năm: 2021), ông Phạm Hoàng H.

Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Xác định nhà đất tại số S Y, Phường A, thành Phố Đ là di sản thừa kế của cụ T10, cụ N2. Khi mất do hai cụ không để lại di chúc nên đề nghị chia di sản thừa kế trên theo pháp luật.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 686722479600217 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho cho ông Phạm Hoàng Đ ngày 24/9/2008 và Hủy hợp đồng thế chấp mà ông Phạm Hoàng Đ đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP S2 - Chi nhánh L2.

** Bị đơn ông Phạm Hoàng Đ trình bày:*

Về quan hệ huyết thống như ông Phạm Văn P trình bày là đúng.

Về tài sản tranh chấp: Vào năm 1975, cha ông Phạm T10 (1921 - 1984) làm việc tại xưởng in N5 (nay là cục B), cha ông đã ở trong căn nhà số B Thống nhất (nay là đường Y), Phường A, thành phố Đ. Thời gian ở tại nhà đất trên cho đến khi thôi việc năm 1981, đến năm 1984 cha ông chết. Năm 1985 ông xin vào Nha Đ (nay là C bản đồ) làm công nhân viên. Đến năm 1989 Cục bản đồ có chủ trương hóa giá nhà ở cho công nhân Cục bản đồ, thời điểm đó ông vẫn đang ở tại căn nhà này. Ông đã làm đơn xin được mua căn nhà đó tại Cục bản đồ. Sau khi có chủ trương cho mua nhà, ông đã báo với anh chị trong gia đình về việc đóng góp tiền chung để mua căn nhà và đất này thì không ai mua. Thời gian đó ông mới 22 tuổi không có tiền mua, nếu không đóng tiền mua theo chủ trương thì sẽ bị thu hồi nhà và không làm thủ tục cho ông mua nên ông đã gặp thủ trưởng để xin mua trả góp theo lương hàng tháng và phần còn lại ông phải vay mượn ngoài là chị Á (hàng xóm) để được mua căn nhà trên. Ngày 25/02/1992 Hội đồng hóa giá nhà đã xem xét và chấp thuận bán hóa giá căn nhà trên cho ông với giá 840.637 đồng. Ngày 25/02/1992, ông được ký hợp đồng bán hóa giá căn nhà số B T, Phường A, thành phố Đ.

Ngày 22/6/1992, ông được Sở xây dựng tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 316/NĐ/XDQ02(HG).

Ngày 13/6/2008 Ủy ban nhân dân tỉnh L đã ban hành Quyết định số: 1587/QĐ-UBND quyết định thu tiền bán nhà đối với nhà có nguồn gốc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Đ, ông đã báo cho các anh chị lo tiền đóng thuế đất thì các anh chị trả lời ai ở người đó đóng, nhưng do không đủ tiền để đóng nên đã đi vay ngân hàng để đóng số tiền trên, hoàn cảnh lúc đó ông vay cũng không đủ để đóng hết diện tích đất đang có mà chỉ đóng được 159m² và tạm giao phần đất còn lại cho ông được đóng sau. Sau khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, ngày 24/9/2008 ông được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 00316Q02/HG. Sau khi mua hóa giá nhà của nhà nước ông vẫn để căn nhà cho mẹ và một số anh chị em ở, phần thuế đất hàng năm mẹ ông là cụ Hoàng Thị N2 đứng tên đóng. Thời điểm đó, do chị ông là bà Phạm Thị Hoàng Đ1 lấy chồng có hoàn cảnh khó khăn nên đã cho bà Đ1 làm nhà sát bên để ở tạm và phần nhà cũ do mẹ và chị P2 ở, còn các anh chị khác đã có nhà riêng.

Năm 2010, do mẹ ông nợ nần đòi bán nhà trả nợ, nên ông và ông Phạm Hoàng L không cho bán. Sau đó ông đã trả nợ cho các chủ nợ để giữ lại căn nhà cho tới hôm nay. Năm 2018 mẹ ông chết thì ông cùng vợ con về lại căn nhà đó để ở và có làm thêm căn nhà phía trước trên phần đất được tạm giao và đóng thuế hàng năm và là chủ hộ. Đối với căn nhà hiện nay ông P, bà P2, ông T1 đang quản lý, sử dụng thì phần nhà gỗ có nguồn gốc là ông mua hóa giá của nhà nước 1992, phần nhà sau nhà gỗ do mẹ ông sửa lại thành nhà xây như hiện nay. Còn căn nhà hiện nay vợ chồng tôi đang quản lý, sử dụng được ông xây dựng từ năm 2006.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mà ông được UBND thành phố Đ cấp ngày 24/9/2008, ngày 20/7/2020 vợ chồng ông đã thế chấp tài sản trên để vay vốn tại Ngân hàng S3 – Chi nhánh L2 để vay vốn giải quyết khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và cũng là để ông thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước trong việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng chính thửa đất đất tranh chấp.

Ông và vợ có 02 người con chung là cháu Phạm Hoàng K2 và Phạm Hoàng K3. Cháu K2 và cháu K3 không có đóng góp gì vào tài sản đang tranh chấp và hiện nay các cháu đang sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nên cũng không liên quan gì đến vụ án này. Do đó, ông đề nghị Tòa án không đưa các cháu vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do tài sản nhà đất số B Y, Phường A, thành phố Đ là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông, không phải là di sản của cha mẹ để lại nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S3 thì ông đồng ý thanh toán toàn bộ dư nợ gốc lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, do bị ông P kiện nên chưa giải quyết được tiền nợ ngân hàng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Giao Tuyết T5: đồng ý với trình bày của bị đơn, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Bà Phạm Thị Hoàng Đ1, bà Phạm Thị Hoàng A, bà Lê Thị T2, bà Đặng Thị T3, Phạm Lê Thiên Ý1, Phạm Lê Thị Ngọc Ý, Phạm Thị Quỳnh N4, Nguyễn Thị Bích P2, ông Trương Văn T4, Trương Hoàng Nhật K: đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn, đề nghị chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và đề nghị chia phần của các bà cho ông P được quản lý, sử dụng và tự chia.

3. Ông Phạm Hoàng T, ông Phạm Hoàng L, ông Phạm Hoàng T1, ông Phạm Hoàng H, bà Phạm Thị Hoàng P1: thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và có đơn yêu cầu độc lập về việc chia di sản thừa kế mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, tuy nhiên hết thời hạn các đương sự trên không nộp cho Tòa án biên lai tạm ứng án phí và đề nghị phần của các ông bà được nhận giao cho nguyên đơn quản lý và tự chia.

4. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S2- Chi nhánh L2 trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần S2 (sau đây gọi tắt là S3) cho ông Phạm Hoàng Đ, bà Nguyễn Giao Tuyết T5 vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 202025530538 ngày 20/07/2020 với số tiền: 2.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; Thời hạn: 01 năm; Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng vốn cuối kỳ; Ngày đến hạn trả nợ gốc: 20/07/2021.

Tài sản bảo đảm là toàn bộ hiện trạng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại: 2 Y, Phường A, Tp Đ, Tỉnh Lâm Đồng (Thửa đất số: 58; tờ bản đồ số: C70-IV-C) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 686722479600217, hồ sơ gốc số: 00316Q02/HG do U cấp ngày 24/09/2008. Chủ sở hữu ông Phạm Hoàng Đ - bà Nguyễn Giao Tuyết T5.

Ngoài Hợp đồng tín dụng số 202025530538 ký ngày 20/07/2020, ông Phạm Hoàng Đ còn được S3 cấp thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ Tín dụng kèm Hợp đồng ngày 17/03/2021 với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trước khi giải ngân tiền vay, S3 và bên thế chấp là ông Phạm Hoàng Đ - bà Nguyễn Giao Tuyết T5 đã ký kết và công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản số 1701-206/2020/TC tại Phòng C1 Tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 1386, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/07/2020. Sau khi công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản, S3 tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP . “Chứng nhận việc thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất”.

Do hiện nay, các anh chị em ông Phạm Hoàng Đ tranh chấp liên quan đến tài sản thế chấp của Ngân hàng nên ông Đ, bà T5 đã vi phạm cam kết trả nợ nên Ngân hàng S3 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Ông Phạm Hoàng Đ - bà Nguyễn Giao Tuyết T5 phải trả cho S3 tổng số tiền vốn và lãi đến ngày 22/9/2022 là: 2.891.284.491 đồng và và lãi tiền vay theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng là 98.249.854 đồng cho đến khi trả dứt điểm nợ vay.

- Trường hợp Ông Phạm Hoàng Đ - bà Nguyễn Giao Tuyết T5 không trả được nợ, cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết.

- Buộc Ông Phạm Hoàng Đ - bà Nguyễn Giao Tuyết T5 chịu toàn bộ án phí, phí thi hành án và các chi phí phát sinh liên quan.

- Đồng thời, như đã trình bày ở trên, tài sản đảm bảo tiền vay thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm Hoàng Đ – bà Nguyễn Giao Tuyết T5, S3 đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Pháp luật về đảm bảo tiền vay. Vì vậy, S3 yêu cầu Tòa án bác yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại: 2 Y, Phường A, Tp Đ, Tỉnh Lâm Đồng, tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1701-206/2020/TC ngày 20/07/2020 để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trường hợp sau khi thực hiện bán tài sản bảo đảm mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

5. *Đại diện Văn phòng C2 tỉnh Lâm Đồng trình bày:* Hợp đồng thế chấp tài sản số 1701-206/2020/TC, số công chứng 1386, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng nhận ngày 20/7/2020 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm công chứng, tài sản thế chấp thuộc sở hữu hợp pháp của bên thế chấp, không bị kê biên, ngăn chặn của các cơ quan có thẩm quyền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. *Đại diện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L trình bày:* Ngày 20/7/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ có tiếp nhận hồ sơ xóa nội dung đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 13/7/2018 và đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1701-206/2020/TC, ký kết ngày 20/7/2020; Phiếu yêu cầu xóa đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 20/7/2020 đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 1701-220/2018/TC, ký kết ngày 13/7/2018; Phiếu yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/7/2020.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 1701-206/2020/TC, ký kết ngày 20/7/2020; Về thành phần hồ sơ đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 39, Khoản 1 Điều 47, Nghị định số 102/2017/NĐCP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Thời điểm 20/7/2020, thừa đủ điều kiện để đăng ký bảo đảm; Việc xóa và đăng ký biện pháp bảo đảm là phù hợp với quy định tại Điều 21 và Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

7. *Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Đ trình bày:* Về nguồn gốc căn nhà số B T, Phường A, thành phố Đ. Ngày 26/01/1984, U cũ lập giấy mai táng cho ông Phạm Tấn .

Ngày 25/02/1992, ông Phạm Hoàng Đ làm đơn xin mua hóa giá căn nhà số B tại Phường A, thành phố Đ. Tại đơn nêu trên ông Phạm Hoàng Đ ghi với nội dung .. “Về pháp lý nhà đất căn nhà thuộc quyền sở hữu Nhà nước Quyết định cấp số 198/QĐ ngày 10/10/1990, nhà không bị tranh chấp khiếu nại, hội đồng nhất trí bán hóa giá 840.637 đồng... Cùng thời điểm trên, Hội đồng hóa giá thuộc Bộ T13 lập hợp đồng bán hóa giá nhà cấp 3, cấp 4 cho ông Phạm Hoàng Đ đối với căn nhà tại số B đường T, Phường A, thành phố Đ.

Ngày 22/6/1992, Sở X cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 316/NĐ/XD Q.02 (HG) cho ông Phạm Hoàng Đ với nội dung .. “Nhà cấu trúc loại cấp 4, hạng A2, còn 36% vách ván, mái ngói, tổng diện tích 34,60m², sử dụng chính 34,60m²” ... Tại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 316/NĐ-XD Q.02 (HG) thể hiện nguồn gốc ngôi nhà:”...Nhà thuộc diện Công sản Quốc gia chế độ cũ để lại (Nha địa dư), hộ ông Phạm Hoàng Đ được mua hóa giá. Căn cứ Quyết định số 198/QĐ ngày 10/10/1990 của Bộ T13, hợp đồng ngày 25/02/1992, trước bạ tại Cục T14 ngày 13/6/1992, biên lai số 002000...”

Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 6867224796000217 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 24/9/2008 cho ông Phạm Hoàng Đ.

Ngày 13/6/2008, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1587/QĐ-UBND về việc truy thu tiền bán nhà đối với trường hợp nhà có nguồn gốc hóa giá thuộc sở hữu Nhà Nước trên địa bàn thành phố Đ cho người mua nhà ông Phạm Hoàng Đ tại số nhà B Y.

Ngày 25/6/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L lập sơ đồ nhà ở, đất ở cho ông Phạm Hoàng Đ tại căn nhà số B Y.

Ngày 19/9/2008, Sở Xây dựng có văn bản số 841/SXD-QLN về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Phạm Hoàng Đ diện tích 300m² thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số C70-IV-C, Phường A, thành phố Đ.

Ngày 24/9/2008, UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 686722497600217 cho ông Phạm Hoàng Đ về nội dung: Về nhà ở tổng diện tích sử dụng 152.22,9m², diện tích xây dựng 159,90m² kết cấu nhà tường xây, mái tôn, số tầng trệt. Về đất ở thửa 50, tờ bản đồ số C70-IV-C, diện tích 300m², riêng 300m²). Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

8. *Đại diện Sở Xây dựng tỉnh L trình bày:* Về nguồn gốc nhà, đất số B Y, Phường A, thành phố Đ. Nhà thuộc D2, chế độ cũ để lại (Nha địa dư) do Bộ T13 quản lý, sau đó bán hóa giá cho ông Phạm Hoàng Đ là công nhân xí nghiệp bản đồ 2 – Cục bản đồ của Bộ T13 theo hợp đồng mua bán lập ngày 25/02/1992.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 316/NĐ/XDQ02 (HG) ngày 22/6/1992 cho ông Phạm Hoàng Đ đối với nhà số B Y, Phường A, thành phố Đ.

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa của ông Phạm Hoàng Đ, gồm: Đơn xin mua hóa giá nhà của ông Phạm Hoàng Đ đề ngày 31/12/1991. Biên bản họp hội đồng xét hóa giá nhà cấp 3, 4 của Bộ T13 lập ngày 25/02/1992, Hợp đồng mua bán nhà của Bộ T13 với ông Phạm Hoàng Đ lập ngày 25/02/1992. Bảng tổng hợp tính toán giá trị căn nhà, Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ, Bảng thuyết minh lập ngày 25/02/1992, Giấy cam kết lập ngày 08/9/2008.

Sở xây dựng căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được UBND tỉnh ủy quyền và Điều lệ thống nhất quản lý nhà tại các thành phố, thị xã, thị trấn ban hành kèm theo Nghị định số 02/CP ngày 04/01/1979 của Hội đồng chính phủ quy định và xét hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà của số 316/NĐ/XDQ02 (HG) ngày 22/6/1992 cho ông Phạm Hoàng Đ đối với nhà số B Y, Phường A, thành phố Đ theo quy định.

Về hồ sơ liên quan đến nguồn gốc nhà đất nêu trên: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa tại địa chỉ số B Y, Phường A, thành phố Đ cho ông Phạm Hoàng Đ: Hiện nay hồ sơ được Lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ quản lý theo quy định, Sở xây dựng đã liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Đề nghị, Tòa án giải quyết theo quy định.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn P về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và yêu cầu huỷ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” với bị đơn ông Phạm Hoàng Đ.

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Thị N2 gồm: ông Phạm Văn P, ông Phạm Hoàng S1; ông bà Phạm Thị Hoàng A, bà Phạm Thị Hoàng P1, ông Phạm Hoàng L1; ông Phạm Hoàng L, bà Phạm Thị Hoàng Đ1, ông Phạm Hoàng T, ông Phạm Hoàng Đ, ông Phạm Hoàng T1 và ông Phạm Hoàng H.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Phạm Hoàng S1 gồm: bà Lê Thị T2 và Phạm Thị Thiện Ý3, Phạm Lê Thị Ngọc Ý.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Phạm Hoàng L1 gồm: Bà Đặng Thị T3 và Phạm Thị Hoàng N, Phạm Hoàng N1.

1.2. Xác định di sản thừa kế do cụ N2 để lại bao gồm: 1/9 của căn nhà ở có diện tích 169,00m² kết cấu nhà tường xây, mái tôn kẽm, số tầng trệt tọa lạc trên diện tích đất 300m² thuộc thửa 58, tờ bản đồ số C70-IV-C tại số B Y, Phường A, thành phố Đ là di sản thừa kế của cụ N2 có giá trị 1.389.035.625 đồng (trừ tiền nghĩa vụ của cụ N2 là 68.892.646 đồng = 1.320.142.979 đồng).

Xác định 01 kỷ phần được chia là: 120.432.493 đồng.

Buộc ông Phạm Văn P có nghĩa vụ thanh toán lại 01 kỷ phần cho bà Lê Thị T2 và Phạm Thị Thiện Ý3, Phạm Lê Thị Ngọc Ý được nhận một kỷ phần thừa kế tương ứng với số tiền 120.432.493 đồng.

Buộc ông Phạm Văn P, có nghĩa vụ thanh toán lại 01 kỳ phần cho bà Đặng Thị T3 và Phạm Thị Hoàng N, Phạm Hoàng N1 được nhận một kỳ phần thừa kế tương ứng với số tiền 120.432.493 đồng.

Buộc ông Phạm Văn P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Hoàng Đ số tiền 37.577.802 đồng (tương ứng với nghĩa vụ của 6 kỳ phần ông P, bà A, bà P1, ông L, ông L1, ông S1 thực hiện cho cụ N2).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Giao cho ông Phạm Văn P quản lý 06 kỳ phần (ông P, bà A, bà P1, ông L, ông L1, ông S1) được hưởng của cụ N2.

Tạm giao cho ông Phạm Hoàng Đ quản lý 05 kỳ phần (ông T1, bà Đ1, ông T, ông H, ông Đ) được hưởng của cụ N2.

1.3. Hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 316/NĐ/XDQ02 (HG) do Sở Xây dựng tỉnh L cấp ngày 22/6/1992 cho ông Phạm Hoàng Đ; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 686722479600217 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 24/9/2008 thửa đất số 58, tờ bản đồ số C70-IV-C tại địa chỉ 27/30, Y, Phường A cho ông Phạm Hoàng Đ.

1.4. Tạm giao diện tích 97,2m² thực tế là 110,4m², thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số C70-IV-C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại 27/30, Y, Phường A, thành phố Đ cho ông Phạm Hoàng Đ được quản lý và sử dụng.

Trường hợp Nhà nước có chủ trương hoá giá phần diện tích đất này thì ông Đ, ông P, bà P1, bà Đ1, ông L, ông T, ông T1, ông H được quyền thoả thuận tỉ lệ đóng tiền hoá giá để sở hữu theo phần như phần diện tích đã được hoá giá.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP S3 chi nhánh L2 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Phạm Hoàng Đ.

2.1. Buộc ông Phạm Hoàng Đ và bà Nguyễn Giao Tuyết T5 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S3 số tiền gốc 2.500.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 22/9/2022 là 2.989.534.345 đồng (Trong đó lãi suất quá hạn là 365.825.342 đồng, lãi tồn đọng là 22.739.726 đồng và lãi chậm trả là 2.719.422 đồng) của hợp đồng tín dụng số 20205530538 ngày 20/7/2020 và Thẻ tín dụng vay 100.000.000 đồng, dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 22/9/2022 là 98.249.854 đồng (trong đó nợ gốc là 74.500.961 đồng và lãi quá hạn là 23.748.893 đồng).

Kể từ ngày 23/9/2022 ông Phạm Hoàng Đ và bà Nguyễn Giao Tuyết T5 tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 20205530538 và thẻ tín dụng vay ngày 20/7/2020 cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ gốc trên.

2.2. Hủy một phần Hợp đồng thế chấp số 1701-206/2020/TC ngày 20/7/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S3 với vợ chồng ông Phạm Hoàng Đ và bà Nguyễn Giao Tuyết T5, được Văn phòng C2 tỉnh Lâm Đồng công chứng, số công

chứng 1386, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/7/2020 đối với phần tài sản của cụ N2 (phần này đã chia di sản) và bà P1, ông L, ông Đ1, ông T, ông T1, ông H, ông P sở hữu các phần bằng nhau tương ứng với tỷ lệ 67% và tiếp tục duy trì một phần hợp đồng thế chấp này đối với phần sở hữu tài sản của ông Đ trong khối tài sản thuộc sở hữu chung.

Trường hợp ông Đ, bà T5 không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý phần tài sản thuộc sở hữu chung của ông Đ có trong diện tích đất được cấp là 300m² có giá trị định giá tại thời điểm xét xử là: 16.585.500.000 đồng tương ứng với diện tích ông Đ được trọn quyền sử dụng là 99m² ($55.285.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 \times 99\text{m}^2 = 5.473.215.000 \text{ đồng}$) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 06/10/2022, bị đơn ông Phạm Hoàng Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm do việc giải quyết vụ án vượt quá yêu cầu khởi kiện làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Ngày 30/10/2022, ông Phạm Văn P đã làm đơn kháng cáo quá hạn và đã được xét tại Quyết định xét kháng cáo quá hạn số 16/2023/QĐ-PT ngày 16/5/2023, không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của nguyên đơn ông Phạm Văn P và ông Phạm Hoàng T1 là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Những người kháng cáo, người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hoàng Đ, thấy rằng:

[2.1]. Về phạm vi, yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn ông Phạm Văn P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định căn nhà và đất tại 27/30, Y, Phường A, thành phố Đ là di sản thừa kế của cụ Phạm T10 (1921-1984) và cụ Hoàng Thị N2 (1930-2018) chết để lại, đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn xác định không thay đổi yêu cầu khởi kiện, nhưng tòa sơ thẩm lại chia tài sản chung của hộ gia đình là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Còn bị đơn ông Phạm Hoàng Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng căn nhà và đất trên có nguồn gốc do ông mua lại của Cục bản đồ và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào 24/9/2008.

Như vậy, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu chia di sản thừa kế căn nhà và đất tại 27/30, Y của cụ T10, cụ N2 chết để lại.

[2.2]. Căn cứ pháp lý của căn nhà và đất tại 27/30, Y, thấy rằng:

Hồ sơ thể hiện:

- Nguồn gốc đất căn nhà số B T, Phường A, thành phố Đ là của Nhà máy I. Ngày 26/01/1984, Nhà máy I có văn bản số 223/NM2 nhượng lại căn nhà 2 T, Phường A, thành phố Đ cho ông cụ Phạm T10 nhưng chưa thực hiện thủ tục trả tiền hoá giá nhà.

- Ngày 25/02/1992, Hội đồng hóa giá thuộc Bộ T13 - Cơ quan Bộ T13 lập biên bản họp hội đồng xét hóa giá nhà cấp 3, 4 cho ông Phạm Hoàng Đ đối với căn nhà 27/30 với nội dung *“Về pháp lý căn nhà thuộc quyền sở hữu Nhà nước Quyết định cấp số 198/QĐ ngày 10/10/1990, nhà không bị tranh chấp khiếu nại, Hội đồng nhất trí bán hóa giá là 840.637 đồng..”*.

- Ngày 22/6/1992, Sở xây dựng cấp giấy chứng nhận nhà cửa số 316/NĐ/XD Q02 (HG) cho ông Phạm Hoàng Đ... Tại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 316/NĐ/XD Q02 (HG) thể hiện nguồn gốc ngôi nhà .. *“Nhà thuộc diện công sản Quốc gia chế độ cũ để lại (Nhà địa dư), hộ ông Phạm Hoàng Đ được mua hóa giá, Căn cứ Quyết định số 198/QĐ ngày 10/10/1990 của Bộ T13, Hợp đồng ngày 25/02/1992, trước bạ cục T14 ngày 13/6/1992, biên lai số 002000...”*.

- Số tiền truy thu theo Quyết định truy thu tiền bán nhà là 115.034.000 đồng và chính ông Phạm Hoàng Đ là người nộp tiền theo giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ngày 06/9/2008 (BL số 151).

Như vậy, căn nhà và đất tại 27/30, Y là do Bộ T13 - Cơ quan Bộ T13 bán hóa giá cho hộ ông Phạm Hoàng Đ và được cấp quyền sở hữu nhà đất năm 1992.

[2.3]. Tòa sơ thẩm giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện:

Bản án sơ thẩm nhận định: *“có cơ sở khẳng định diện tích nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Phạm Hoàng Đ diện tích 300m² là tài sản thuộc sở hữu chung theo phần của 09 thành viên trong hộ...”*; *“Tại phiên tòa hôm nay và tại các phiên tòa ngày 19/7/2022, ngày 19/8/2022 Tòa án đã hướng dẫn giải thích cho các đương sự về việc khởi kiện yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung nhưng nguyên đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A, bà P1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế, ông Phạm Hoàng T1 cũng là người đại diện theo uỷ quyền cho bà Đ1, ông T, ông L, bà A, bà P1 có yêu cầu chia di sản nhưng không đóng tiền tạm ứng án phí... và các đương sự không yêu cầu*

Tòa án chia tài sản thuộc sở hữu chung”; “Do đó, đối với các yêu cầu này Hội đồng xét xử không xem xét”. (BL: 695).

Tuy nhiên, phần quyết định bản án lại chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế; còn đường lối áp dụng pháp luật để chia thì căn cứ vào Điều 212 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *Sở hữu chung của các thành viên gia đình để giải quyết là không đúng, vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, vi phạm Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”.*

[3]. Từ những vi phạm, thiếu sót về tố tụng, áp dụng pháp luật giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; Nên cần chấp nhận kháng cáo hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Do hủy án nên ông Phạm Hoàng Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc tranh chấp “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn ông Phạm Văn P với bị đơn ông Phạm Hoàng Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

2. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử lại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

- Giữ lại phần dự nộp án phí sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Hoàng Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H3 lại cho ông Phạm Hoàng Đ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012254 ngày 18/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng T14.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thịnh

Phạm Công Mười

Chung Văn Kết